

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Ông Mai Văn Đảm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - Sinh năm: 1999

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đinh Quang T1 – Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Khu phố 1 LS, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK (Nay là UBND thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/03/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, anh T1 chơi bời không khuyên giải được. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ, chồng đã sống

ly thân hơn một năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là Đinh Kim N, sinh ngày 14/12/2017. Tại đơn khởi kiện chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai ngày 05/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, để ổn định cuộc sống của cháu N nên chị T đề nghị giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh T1 mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T1 được biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ án để anh T1 trình bày ý kiến của mình hoặc yêu cầu phản tố (nếu có) về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh T1 không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho các đương sự được biết để tham gia phiên họp. Tuy nhiên anh T1 không có ở nhà, qua xác minh tại địa phương Tòa án xác định được tại thời điểm xác minh anh T1 đã đi khỏi địa phương, không có mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không xác định được địa chỉ cư trú mới của anh T1. Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình như đã nêu trên. Anh T1 vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự.

Tại phiên tòa HĐXX công bố bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của chị T, công bố tóm tắt nội dung vụ án và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Đinh Quang T1. Về con chung: Giao cháu Đinh Kim N, sinh ngày 14/12/2017 cho anh Đinh Quang T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đinh Quang T1 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2023. Chị Lê Thị T được thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Đinh Quang T1 có hộ khẩu thường trú tại khu phố 1 Liên Sơn, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho các đương sự được biết nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị Tòa án công khai chứng cứ vắng mặt anh T1 và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T1 và đã niêm yết công khai thông báo kết quả phiên họp cho anh T1 được biết theo đúng quy định của pháp luật. Do chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên theo quy định tại Điều 207 BLTTDS Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Kim (Nay là UBND thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/03/2018. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh T1 đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Điều này cũng phù hợp với kết quả mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố về yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này thể hiện anh T1 đã có thái độ bỏ mặc, không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T và anh T1 đã rất trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm gì tới nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là Đinh Kim N, sinh ngày 14/12/2017. Tại đơn khởi kiện chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T1 mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T1 không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Xét thấy kể từ khi vợ chồng ly thân cháu N sinh sống cùng với bố cho đến nay, để ổn định cuộc sống, tránh sự xáo trộn và đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cháu N nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của T. Về cấp dưỡng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng

anh T1 mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là ý chí tự nguyện của chị T và để đảm bảo quyền lợi của cháu N nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Đinh Quang T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Kim N, sinh ngày 14/12/2017 cho anh Đinh Quang T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đinh Quang T1 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2023.

Chị Lê Thị T được thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng. Chị T được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007915 ngày 03/01/2023, chị T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh T1. Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân